

Số: 5031/QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo
trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đảm bảo chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Đơn vị liên quan và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

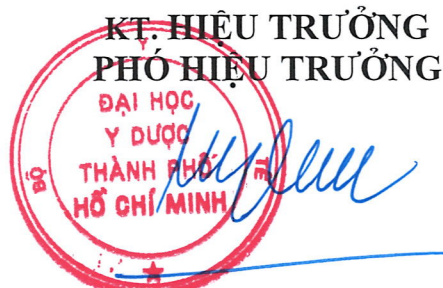
Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo cho 46 chuyên ngành đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, có chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo trong tổ chức đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học từ năm học 2025 – 2026 trở về sau.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các đơn vị liên quan và học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH_{NTM}.



Vương Thị Ngọc Lan

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II

Chuyên ngành: Nhi: Huyết học - Ung bướu; Mã số: CK 62 72 16 30

(Kèm theo Quyết định số 5031/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 8 năm 2025)

PLO	Nội dung	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ, trách nhiệm
1.	Tổng hợp các nguyên lý về tin học, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Ý thức xã hội học, sinh học phân tử vào thực hành chăm sóc người bệnh và nghiên cứu.	X	X	
2.	Thiết kế và triển khai đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên y học chứng cứ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành.	X	X	X
3.	Tích hợp hiệu quả tính chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định, nguyên tắc đạo đức, học tập suốt đời trong hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	X	X	X
4.	Giao tiếp hiệu quả để tiếp nhận và tư vấn cho gia đình bệnh nhi các vấn đề bệnh lý của trẻ, bao gồm thông báo bệnh lần đầu, thông báo tin xấu; tư vấn cho các cơ sở y tế hoặc nhân viên chăm sóc sức khỏe tiếp nhận điều trị theo dõi các vấn đề của trẻ.	X		
5.	Lãnh đạo và làm việc nhóm trong CSSK liên ngành.		X	X
6.	Chuyển giao bệnh nhân qua các cơ sở chăm sóc sức khỏe khác bao gồm chuyển đổi từ chăm sóc sức khỏe nhi khoa sang chăm sóc sức khỏe người lớn.	X	X	X
7.	Chẩn đoán và xử trí (bao gồm đề nghị cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị, chăm sóc và theo dõi) các bệnh lý hồng cầu bao gồm thiếu máu liên quan dinh dưỡng, thiếu máu tán huyết miễn dịch, thiếu máu di truyền, suy tủy dòng hồng cầu ...	X	X	X
8.	Chẩn đoán và xử trí (bao gồm đề nghị cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị, chăm sóc và theo dõi) các bệnh lý rối loạn đông máu và cầm máu bẩm sinh hay mắc phải như xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch, hemophilia, thiếu vitamin K, bệnh lý gan...	X	X	X
9.	Chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh lý liên quan đến bạch cầu lành tính (suy giảm miễn dịch, giảm bạch cầu tự miễn, và ác tính (bạch cầu cấp dòng lympho, bạch cầu cấp dòng tủy, bạch cầu mạn, rối loạn sinh tủy), các bệnh lý u hạch ác tính (lymphoma Hodgkin và không Hodgkin).	X	X	X
10.	Chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh lý liên quan đến bệnh lý khối u đặc (u nguyên bào thận, u nguyên bào thần kinh, u nguyên bào gan, u tế bào mầm, sarcoma xương và phần mềm, u cơ vân, u không phải cơ vân).	X	X	X
11.	Chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh lý liên quan đến bệnh lý khối u não (u nguyên tủy bào, u sao bào, u nguyên bào ống nội tủy, u tế bào mầm não).	X	X	X
12.	Thực hiện tốt các thủ thuật tủy đồ, sinh thiết tủy xương, tiêm hóa chất vào khoang nội tủy.		X	

KT. HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Vương Thị Ngọc Lan

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II
Chuyên ngành: Nhi: Huyết học - Ung bướu; Mã số: CK 62 72 16 30
(Kèm theo Quyết định số 5031 /QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 8 năm 2025)

TT	Tên học phần	Số Tín chỉ	Số ĐVHT	Phân bố theo TC	
				Lý thuyết	Thực hành
I. CÁC MÔN CHUNG: 10 TC					
1.	Tin học nâng cao	2	3	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy	2	3	1	1
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	3	1	1
4.	Sinh học phân tử	2	3	2	0
5.	Y đức	2	3	2	0
II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 6 TC					
1.	Các bệnh lý huyết học lâm sàng	3	4,5	3	0
2.	Nhiễm Nhi	3	4,5	1	2
III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 48 TC					
PHẦN HỌC PHẦN BẮT BUỘC: 36 TC					
1.	Các bệnh liên quan đến hồng cầu - Nguyên tắc trong truyền máu	4	6	1	3
2.	Các bệnh lý bạch cầu và miễn dịch	4	6	1	3
3.	Các bệnh lý về đông máu và chảy máu ở trẻ em	4	6	1	3
4.	Các bệnh lý ác tính hệ tạo máu (bạch cầu cấp, lymphoma)	4	6	1	3
5.	Các bệnh lý ung thư tạng đặc ở trẻ em	4	6	1	3
6.	Các bệnh lý u não ở trẻ em	4	6	1	3
7.	Ghép tủy	4	6	1	3
8.	Cải tiến chất lượng trong ung bướu - huyết học	4	6	1	3
9.	Chăm sóc giảm nhẹ	4	6	1	3
PHẦN HỌC PHẦN TỰ CHỌN: 12 TC (chọn 3 trong 5 học phần)					
10.	Thực tập nước ngoài (nếu đủ điều kiện)	4	6	0	4
11.	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sống sót sau điều trị ung thư	4	6	1	3
12.	Giải phẫu bệnh- ngân hàng máu	4	6	0	4
13.	Giải phẫu bệnh u đặc và u não	4	6	0	4
14.	Xạ trị Nhi khoa	4	6	0	4
IV. LUẬN VĂN: 6 TC					

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
Vương Thị Ngọc Lan